

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 02 hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị ảnh hưởng, bổ sung cho các hộ gia đình, cá nhân và điều chỉnh giảm giá trị cho 01 hộ bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639) và 18 hộ gia đình, cá nhân có mộ bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư An Quang Đông phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi
Địa bàn: xã Cát Hải và xã Cát Khánh, huyện Phù Cát.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về việc xác định lại giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4777/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh để xác định giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB xây dựng Khu TĐC thôn An Quang Đông phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi, huyện Phù Cát;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thôn an Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường Ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến- Đề Gi;

Căn cứ Quyết định 156/QĐ-UBND ngày 13/01/2021, Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 và Quyết định 5002/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 24/TTr-HĐBT ngày 01/02/2021 và Biên bản cuộc họp ngày 20/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 02 hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị ảnh hưởng, bổ sung cho các hộ gia đình, cá nhân và điều chỉnh giảm giá trị cho 01 hộ bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện Dự án Đường ven biển (ĐT.639) và 18 hộ gia đình, cá nhân có mộ bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư An Quang Đông phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) địa bàn xã Cát Khánh là: 922.094.000 đồng, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình: 904.014.000 đồng, bao gồm:

- + Giá trị bồi thường, hỗ trợ mồ mả, vật kiến trúc: 900.864.000 đồng;
- + Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: 3.150.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 18.080.000 đồng.

2. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự trù cưỡng chế địa bàn xã Cát Hải là: 1.275.411.427 đồng, trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình: 1.247.956.000 đồng, bao gồm:

- + Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 974.651.000 đồng;
- + Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: 127.656.000 đồng;
- + Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: 11.660.000 đồng;
- + Giá trị các khoản hỗ trợ khác: 123.989.000 đồng;
- + Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: 10.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 24.959.000 đồng;
- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 2.496.000 đồng.

3. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 01 hộ gia đình, cá nhân đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh giảm giá trị BT, HT, chi phí GPMB 2% và chi phí dự trù cường chế tại Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh là: 61.022.000 đồng (*Hộ Nguyễn Ngọc Minh, vợ Võ Thị Xuân*).

- Điều chỉnh giảm giá trị BT, HT, chi phí GPMB 2% và chi phí dự trù cường chế tại Quyết định 5002/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh là: 16.746.000 đồng (*Hộ Nguyễn Ngọc Minh, vợ Võ Thị Xuân*).

4. Điều chỉnh, bổ sung tên chủ hộ, giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí GPMB 2% và chi phí dự trù cường chế (*đã phê duyệt tại Quyết định 156/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh*):

- Giá trị BT, HT bổ sung: 54.454.000 đồng;
- Chi phí phục vụ GPMB (2%): 1.089.000 đồng;
- Kinh phí dự phòng cường chế thu hồi đất: 109.000 đồng;

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bao gồm chi phí 2% và kinh phí dự trù cường chế) là: 55.652.000 đồng.

5. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi.

(*Chi tiết có Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo và phương án chi tiết theo Văn bản số 24/TTr-HĐBT ngày 01/02/2021 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng*).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định 156/QĐ-UBND ngày 13/01/2021, Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 và Quyết định 5002/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ MÒ MẢ DO GPMB****Dự án: Khu TĐC thôn An Quang Đông phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Mò mả (đồng)	Cây cối (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
1	Nguyễn Thị Kim Lan	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	26	1	7.092.923		7.092.923
2	Huỳnh Văn Huân	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	164	1	45.012.416		45.012.416
3	Huỳnh Minh Kiểm	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	164	1	219.379.419		219.379.419
4	Nguyễn Thị Thanh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	164	1	149.956.434		149.956.434
5	Huỳnh Sơn	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	164	1	37.626.850		37.626.850
6	Nguyễn Đức Phần	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	188, 102, 91	1	18.381.780		18.381.780
7	Hồ Đình Dũng	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	238	1	46.117.190		46.117.190
8	Trần Mạnh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	271	1	7.058.000		7.058.000
9	Nguyễn Văn Thuộc	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	262	1	28.676.901		28.676.901
10	Nguyễn Văn Hạnh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	89, 91	1	10.000.000		10.000.000

11	Võ Hồng Minh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	238	1	2.000.000		2.000.000
12	Trương Ngọc Phiên	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	89	1	2.000.000		2.000.000
13	Hồ Văn Cảnh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	269, 252, 238	1	276.733.946	3.150.000	279.883.946
14	Nguyễn Đức Lộc	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	26	1	15.034.980		15.034.980
15	Đỗ Ngọc Giàu	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	89	1	2.127.260		2.127.260
16	Đỗ Xuân Thanh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	238	1	4.000.000		4.000.000
17	Nguyễn Văn Chiến	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	262	1	27.665.463		27.665.463
18	Trần Tranh	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	262	1	2.000.000		2.000.000
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ				900.863.561	3.150.000	904.014.000
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)						18.080.000
C	Tổng cộng (A+B)						922.094.000

PHỤ LỤC II

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 02 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, VÀ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG CHO 20 HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI DO GPMB THỰC HIỆN
DỰ ÁN: KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÂN THANH, ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN CÁT TIỀN-ĐỀ GI**

ĐỊA BÀN : XÃ CÁT HẢI, HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc năm 2019				DT đất xét bồi thường		Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)								Ghi chú
			Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích	Diện tích bị thu hồi	Đất ở được BT (m ²)	Đất NN được BT (m ²)	Đất (đồng)			Nhà cửa vật kiến trúc	Cây cối hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung	
									Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)						
Các hộ bồi thường hỗ trợ									175.256.640	331.529.280	506.785.920	127.656.026	10.260.000	14.000.000	10.000.000	668.701.946	
1	Võ Ngò (chết), con Võ Dương Hà ĐĐKK	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	138	12	984,7	183,30	14,84	168,46	74.120.640	331.529.280	405.649.920	112.463.714	6.965.000	14.000.000	5000000	544.078.634	
2	Lê Kim Hùng, vợ Võ Thị Thanh	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	65	12	111,6	30,10	30,10		101.136.000		101.136.000	15.192.312	3.295.000		5000000	124.623.312	
Dự án Đường ven biển ĐT.639									443.754.480	0	443.754.480	0	1.400.000	0	0	445.154.480	
3	Nguyễn Văn Bắ	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	57	6	140,0	89,70	89,70		246.495.600		246.495.600					246.495.600	
4	Trần Thị Cù	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	17	14	565,7	229,40	200,00	29,40	197.258.880		197.258.880					197.258.880	Hộ đủ điều kiện giao đất TĐC
5	Bùi Xuân Duyên	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											1.400.000			1.400.000	
Xây dựng khu TĐC Tân Thanh phục vụ dự án ĐT.639									7.289.360	16.821.600	24.110.960	0	0	109.989.000	0	134.099.960	
6	Trần Thị Thảo	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	516 613	17										8.712.000		8.712.000	bổ sung 4khẩu
7	Trần Văn Phúc	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	630 648	17										17.424.000		17.424.000	bổ sung 8khẩu
8	Trần Văn Vinh	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	46	17										4.356.000		4.356.000	bổ sung 4 khẩu

9	Đặng Văn Phước	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải								0			7.623.000		7.623.000	bổ sung 7 khẩu
10	Đồng Thanh Giỏi	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải								0			4.356.000		4.356.000	bổ sung 04 khẩu
11	Võ Văn An, vợ Đỗ Thị Hạnh	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải								0			2.178.000		2.178.000	bổ sung 02 khẩu
12	Nguyễn Nhẽ (chết), vợ Võ Thị Tới	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải								0			4.356.000		4.356.000	bổ sung 04 khẩu
13	Nguyễn Thị Diễm	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											5.445.000		5.445.000	bổ sung 05 khẩu
14	Võ Thông (chết), con Võ Hữu Duyên đại diện kê khai	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											6.534.000		6.534.000	bổ sung 03 khẩu
15	Võ Thị Bảy	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											6.534.000		6.534.000	bổ sung 03 khẩu
16	Nguyễn Chín, vợ Võ Thị Hàu	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											4.356.000		4.356.000	bổ sung 04 khẩu
17	Võ Kèn (chết), vợ Đồng Thị Năm	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											6.534.000		6.534.000	bổ sung 06 khẩu
18	Võ Kế Thanh (chết), vợ Nguyễn Thị Nguyên và	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											10.890.000		10.890.000	bổ sung 05 khẩu
19	Hữu, vợ Nguyễn Thị D	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											7.623.000		7.623.000	bổ sung 07 khẩu
20	Phạm Hùng	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											8.712.000		8.712.000	bổ sung 04 khẩu
21	Lê Kim Hùng, vợ Võ Thị Thanh	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải											4.356.000		4.356.000	bổ sung 04 khẩu

[illegible]

PHỤ LỤC IV

**ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 01 HỘ BỊ THIẾT HẠI DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639)
ĐOẠN CÁT TIỀN - ĐỀ GI, THÔN VĨNH HỘI, XÃ CÁT HẢI, HUYỆN PHÙ CÁT**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ	Phương án BT, HT về đất và VKT đã được Ban QL Khu KT thực hiện và chi trả cho hộ dân							Phương án BT, HT về đất và VKT được điều chỉnh							Giá trị BT, HT bổ sung	Ghi chú
			Bản đồ năm 1995				Phương án			Bản đồ năm 2010			Phương án					
			Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	DT tính khấu trừ	BT, HT Đất (đồng)	Hỗ trợ 5.000đ/m2	Tổng giá trị BT, HT đã chi trả	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích (m ²)	DT thu hồi (m ²)	Đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Tổng giá trị BT, HT được điều chỉnh		
I	Phương án BT, HT được phê duyệt tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh																	
1	Nguyễn Thê Thao	Thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải								425	16	645,1	285,1					Không bồi thường, tự tháo dỡ
II	Phê duyệt điều chỉnh																	
1	Nguyễn Hoà	Thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải	10	346B	450	285,1	5.702.000	1.425.500	7.127.500	425	16	645,1	285,1	15.395.400	46.186.200	61.581.600	54.454.100	Nguyễn Hoà là cha của ông Nguyễn Thê Thao
Tổng cộng																	54.454.000	
Chi phí phục vụ GPMB (2%):																	1.089.000	
Kinh phí dự trù thực hiện cưỡng chế:																	109.000	
Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bao gồm chi phí 2% và kinh phí dự trù cưỡng chế):																	55.652.000	

